

Số: 50/2018/DS-PT

Ngày: 20/03/2018

V/v: “T/c thừa kế”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Toà án nhân dân thành phố Hà Nội**

**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy

**Các Thẩm phán:** Bà Trần Thị Liên Anh

Bà Ngô Thị Thu Thiện

**Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Phạm Thái An— Cán bộ  
Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:** Bà Ngô Phương  
Liên- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2018/TLPT-DS ngày 04/01/2018 về việc “Tranh chấp thừa kế”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 199/2017/DSST ngày 27/7/2017 của TAND huyện L, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXX-PT ngày 05 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Đào Văn Q; sinh năm 1938

HKTT: Thôn L, xã T, huyện L, TP. Hà Nội

*Người đại diện theo ủy quyền:* Anh Đỗ Ánh S, sinh năm 1977; địa chỉ: Số nhà 575, đường L, Phường T, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q:** Luật sư Nguyễn Thị Diệu- Văn phòng Luật sư Diệu Song- Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

**Bị đơn:** Ông Đào Lương Đ (tức Đ), sinh năm 1962.

Trú tại: 449/89/9 Đường C, phường 14, quận B, TP. Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Anh Tống Vĩnh Đ, sinh năm 1976; địa chỉ: B1/116 khu K, P. H, Q.7, TP. Hồ Chí Minh

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Đào Thị T, sinh năm 1947. Trú tại: số nhà 264, phố N, phường H, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

2. Bà Đào Thị T, sinh năm 1941. Trú tại: thôn L, xã T, huyện L, thành phố Hà Nội.

3. Anh Đào Văn N, sinh năm 1980. Trú tại: thôn L, xã T, huyện L, thành phố Hà Nội.

(Bà T, bà T, anh N ủy quyền cho ông Đỗ Ánh S thay mặt tham gia tố tụng).

4. Chị Đào Thị V, sinh năm 1959. Trú tại: thôn L, xã T, huyện L, thành phố Hà Nội.

5. Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1983

6. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980

7. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982

Trú tại: thôn L, xã T, huyện L, TP. Hà Nội.

(Chị H, chị H, anh Tuấn A ủy quyền cho chị V tham gia tố tụng)

8. Ông Bùi Văn S, sinh năm 1941; địa chỉ: thôn L, xã T, huyện L, TP. Hà Nội

9. Ủy ban nhân dân huyện L, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm Minh G; chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện L ( theo Văn bản ủy quyền số 04/GUQ- UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện L)

**Người kháng cáo:**

- Anh Đào Lương Đ: Là bị đơn

- Ông Đào Văn Q: Là nguyên đơn

- Bà Đào Thị T; anh Đào Văn N - Là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

( Có mặt anh S, luật sư Diệu, anh Đ, anh Đ, chị V; đại diện UBND huyện L có đơn xin vắng mặt; ông S xin vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:**

***Trong đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn ông Đào Văn Q và anh Đỗ Ánh S là đại diện theo ủy quyền của ông Q trình bày:*** Cụ Đào Văn Mùi và cụ Dương Thị Tý sinh được 3 người con Đào Văn Q, sinh năm 1938, Đào Thị T, sinh năm 1941, Đào Thị T, sinh năm 1947. Năm 1986 cụ Mùi mất do bị bệnh hiểm nghèo, trước khi mất không để lại di chúc gì. Tài sản để lại gồm đất thổ cư diện tích 766m<sup>2</sup> tại thửa 245a, tờ bản đồ số 25 tại thôn L, xã T, huyện L, thành phố Hà Nội, trên đất có xây 01 nhà cấp 4, công trình phụ sân vườn. Năm 1996 đất được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên cụ Dương Thị Tý. Sau khi cụ Mùi chết, cụ Tý và các con quản lý sử dụng đất.

Năm 2004, do nhà cấp 4 đã cũ nát ông Q đã xây thêm 01 nhà cấp 4 sang bên cạnh để cho cụ Tý ở. Khoảng tháng 3/2005, cụ Tý đã lập di chúc cho cháu trai ông là Đào Lương Đ toàn bộ tài sản đất ở và đất canh tác của cả gia đình. Trong đó có cả tài sản của cụ Mùi để lại và đất canh tác tiêu chuẩn của ông Q và con trai là Đào Văn N. Ngày 06/08/2008 cụ Tý lại thay đổi di chúc cho chị V là cháu gái một lối cổng đi rộng 3m dài khoảng 30m tính từ mặt ngõ vào đất nhà chị V. Ngoài ra cụ Tý còn cho chị V 642m<sup>2</sup> đất canh tác.

Cụ Tý lập di chúc cho anh Đ từ khi nào ông Q không được biết. Tháng 11/2008 cụ Tý chết, trong gia đình đã xảy ra tranh chấp ông Q đã có đơn khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện L yêu cầu Toà án huỷ Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất cấp cho cụ Dương Thị Tý và huỷ bản di chúc của cụ Tý cho ông Đào Lương Đ.

Về lỗi đi riêng của chị V, ông Q không nhất trí vì nếu cụ Tý cho chị V lỗi đi riêng như vậy thì không tiện cho việc sử dụng đất sau này nên ông chỉ đồng ý lỗi đi đó là lỗi đi chung của cả gia đình và gia đình chị V.

Về đất canh tác, cụ Tý chỉ có thể cho chị V tiêu chuẩn đất canh tác của mình là 1 sào 9 thước ( $576m^2$ ) nhưng cụ lại cho quá tiêu chuẩn là  $62m^2$  nên ông Quỹ đề nghị chị V phải trả lại cho ông.

**Bị đơn là anh Đào Lương Đ và người đại diện uỷ quyền của bị đơn là anh Tống Vĩnh Đ trình bày:** anh Đào Lương Đ là con trai của ông Đào Văn Q, từ nhỏ anh Đ đã sống với bà nội là Dương Thị Tý vì sau khi sinh anh Đ, ông Q đã bỏ đi làm ăn xa. Do vậy, khi cụ Tý còn sống với ý nguyện là muốn giữ đất của ông bà lại làm nhà thờ cho nên cụ Tý mới lập di chúc vào năm 2005 có xác nhận của địa chính xã và UBND xã T để cho anh Đào Lương Đ quản lý sử dụng toàn bộ tài sản là đất thổ cư và đất canh tác cụ thể:

Đất thổ cư: tại thửa số 245a, tờ bản đồ số 25, diện tích  $766m^2$  địa chỉ thôn L, xã T huyện L, thành phố Hà Nội.

Đất canh tác gồm các thửa: Thửa số 327, tờ bản đồ số 21, diện tích  $343m^2$ .

Thửa số 329, tờ bản đồ số 22 diện tích  $423m^2$ .

Thửa số 14a, tờ bản đồ số 23, diện tích  $642m^2$

Thửa số 325, tờ bản đồ số 24, diện tích  $480m^2$

Toàn bộ diện tích đất thổ cư và đất canh tác trên đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 443808 ngày 02/07/1996, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 993/QSDĐ/109/QĐ-UB đứng tên cụ Dương Thị Tý tại Khu 8, thôn L, xã T, huyện L, thành phố Hà Nội.

Quan điểm của anh Đ không đồng ý với yêu cầu huỷ di chúc của ông Q. Đồng thời anh Đ đồng có đơn phản tố yêu cầu Toà án chia thừa kế tài sản của cụ Tý để lại theo di chúc.

**Bà Đào Thị T là em gái ông Q trình bày:** Về quan hệ huyết thống trong gia đình như ông Q khai là đúng bà không bổ sung thêm gì. Bà nhất trí với quan điểm của ông Đào Văn Q về việc yêu cầu Toà án huỷ di chúc của cụ Tý đối với anh Đào Lương Đ. Đối với đất canh tác đề nghị Toà xem xét quyền lợi cho ông Q và anh Nghĩa. Đối với phần đất làm lỗi đi, quan điểm của bà là để lỗi đi chung trong gia đình chứ không làm lỗi đi riêng cho nhà chị V.

**Bà Đào Thị T em gái của ông Q trình bày:** Về quan hệ huyết thống trong gia đình như ông Q trình bày là đúng bà T không bổ sung gì. Về nguồn gốc đất đang có tranh chấp là của các cụ để lại, trước kia khi cụ Mùi còn sống các cụ đã cho cháu gái Đào Thị V là con ông Q  $200m^2$  đất để làm nhà ở tất cả mọi người trong gia đình bà không ai có ý kiến gì. Năm 1986 cụ Mùi mất không để lại di chúc, năm 2005 cụ Tý lập di chúc cho toàn bộ tài sản cho anh Đào Lương Đ là con trai ông Q bà không được biết vì lúc đó bà đi công tác xa nhà, sau này nghe nói lại bà mới biết. Do ông Q có nhiều vợ nên cụ Tý đã

lập di chúc cho cháu Đào Lương Đồng để làm nơi thờ cúng sau này. Nay ông Q có đơn khởi kiện yêu cầu huỷ bản di chúc với lý do tài sản không hoàn toàn của cụ Tý quan điểm của bà T đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

**Chị Đào Thị V trình bày:** Bà là con gái của ông Đào Văn Q, năm 1986 các cụ là Đào Văn Mùi và Dương Thị Tý có cho chị một phần đất có diện tích 220m<sup>2</sup>, chị đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996 đứng tên Đào Thị V.

Ngày 06/08/2008 cụ Tý cho chị thêm 01 lối cổng đi có chiều rộng 3m chiều dài khoảng 30m, có xác nhận của UBND xã T. Đối với lối cổng này chị chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2008 cụ Tý mất, trước khi mất cụ có lập di chúc cho anh Đào Lương Đ(Đồng) là con trai ông Q quản lý sử dụng toàn bộ đất nhà của cụ. Việc cụ Tý lập di chúc cụ thể như thế nào chị không biết, vì cụ và anh Đ đưa nhau ra UBND xã T lập bà không có mặt trực tiếp ở đó chị chỉ được nghe nói lại. Nay ông Q và anh Đ có xảy ra tranh chấp, ông Q yêu cầu Toà huỷ di chúc của cụ Tý. Quan điểm của chị đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Đồng thời chị V có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án chấp nhận việc tặng cho diện tích đất nông nghiệp và đất lối đi của cụ Tý cho chị.

**Anh Tuấn A, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H:** đều đồng ý với quan điểm của bà Đào Thị V về việc đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho gia đình lối đi riêng mà cụ Tý đã cho.

**Đại diện UBND huyện L trình bày:** Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 245a, tờ bản đồ số 25, diện tích 766m<sup>2</sup> tại thôn L, xã T, huyện L, thành phố Hà Nội. Tại sổ cấp giấy lưu tại phòng Tài nguyên môi trường thể hiện: ngày 02/07/1996 UBND huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc cũ nay là thành phố Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 443308c cho bà Dương Thị Tý, tổng số thửa đất là 05 thửa, diện tích tổng là 2654m<sup>2</sup> tại Khu 8, thôn L, xã T, huyện L, vào sổ cấp giấy số 993. Tuy nhiên do quá trình lưu giữ hồ sơ bị thất lạc nên không cung cấp được cho Toà án. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

**Bản án số 11/2015/DSST ngày 26/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện L, thành phố Hà Nội đã xử:**

- Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Đào Văn Quý; Hủy một phần di chúc của cụ Tý; chấp nhận một phần đơn phản tố của anh Đ.

- Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Tý

- Giao cho ông Q, bà Ty, Thợ được quản lý, sử dụng phần đất thổ cư có DT 356m<sup>2</sup> tại thửa số 245a, trên có nhà cấp 4 đã cũ và bếp đã cũ không còn giá trị sử dụng và 1/3 nhà cấp 4 lợp tôn.

- Giao cho anh Đ được quản lý sử dụng DT 266m<sup>2</sup> đất thổ cư tại thửa số 245a, trên đất có 01 phần nhà cấp 4 lợp mái tôn, sân gạch và một đoạn tường bao

- Xác định lối đi chung của anh Đồng và chị V có DT 90m<sup>2</sup> tại thửa 245 a
- Anh Đ phải có trách nhiệm thanh toán tài sản trên đất cho ông Q là 35.987.000đ và 14.400.00đ tiền công sức. Bà T, bà Ty mỗi người phải có trách nhiệm thanh toán công sức cho ông Q là 14.400.000đ.
- Giao cho ông Q và anh Nghĩa được quản lý sử dụng đất canh tác thửa 327 ; 329; 305 và 138m<sup>2</sup> thửa 14a
- Giao cho chị V quản lý sử dụng DT 504m<sup>2</sup> đất canh tác thửa 14a
- Ông Q, bà T, bà Ty, anh Đ kháng cáo bản án sơ thẩm nói trên*
- Bản án phúc thẩm số **119/2016/DS-PT** ngày 15/7/2016 của Tòa án nhân dân TP. Hà Nội đã hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án huyện L xét xử lại từ giai đoạn sơ thẩm theo thủ tục chung.
- Bản án sơ thẩm số 09/2017/DS- ST ngày 19/9/2017 của Tòa án huyện L xử:**
- Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Mùi là ngày 06/5/1986; của cụ Tý là 31/12/2008
- Xác định tài sản chung của cụ Mùi, cụ Tý là 706,9 m2 đất ở ( đó thực tế) thửa 245 a có giá trị 2.474.150.000 đồng; chia tài sản chung giữa cụ Mùi và cụ Tý: Cụ Mùi được hưởng 323,8 m2 có giá trị 1.133.300 đồng; cụ Tý được hưởng 383,1 m2 đất trị giá 1.340.850 đồng.
- Xác định di sản cụ Tý để lại là: 383,1 m2 đất ở và 629,3 m2 đất nông nghiệp có tổng giá trị là 1.425.805.500 đồng.
- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 02/7/1996 mang tên cụ Tý.
- Di chúc ngày 14/3/2005 của cụ Tý có hiệu lực đối với phần tài sản là di sản của cụ Tý.
- Giao cho anh Đ quản lý sử dụng diện tích 319 m2 đất ở tại thửa 245a trị giá 1.116.500.000 đồng
- Giao cho anh Đ và chị V quản lý, sử dụng chung 78 m2 đất thửa 245a làm lối đi chung có giá trị 273.000.000 đồng; phần giá trị đất mỗi người được hưởng là 136.500.000 đồng.
- Giao cho ông Q và anh Nghĩa quản lý, sử dụng đất nông nghiệp 3 thửa 305; 327; 329 có tổng trị giá 168.210.000 đồng;
- Giao cho ông Q quản lý di sản của cụ Mùi là 323,8 m2 đất thửa 245a có trị giá 1.133.300.000 đồng;
- Giao chị V quản lý, sử dụng đất nông nghiệp thửa 14a diện tích 542 m2. Chị V có trách nhiệm thanh toán cho ông Q, anh Nghĩa số tiền 1.714.500 đồng..
- Ông Sấn, chị H tiếp tục thực hiện thỏa thuận với ông Q về việc canh tác đất nông nghiệp tại thửa 329, 327, 305.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cầu đương sự.

Không đồng ý bản án sơ thẩm, ông Đào Văn Q, anh Đào Lương Đ, bà Đào Thị T, anh Đào Văn N có kháng cáo; VKSND huyện L có kháng nghị đối với Bản án sơ thẩm số 09/2017/DS- ST ngày 19/9/2017 của Tòa án huyện L .

*Ông Q, bà T, anh Nghĩa kháng cáo với nội dung* đề nghị hủy toàn bộ di chúc của cụ Tý năm 2005; không đồng ý yêu cầu phản tố chia thừa kế theo di chúc của anh Đ và không đồng ý việc cụ Tý cho chị V lỗi đi rộng 3 mét;

*Anh Đ kháng cáo* đề nghị chấp nhận toàn bộ di chúc của cụ Tý vì theo anh cụ Tý đã được đứng tên trong giấy chứng nhận toàn bộ diện tích đất thổ cư và đất nông nghiệp nên cụ có quyền di chúc lại cho anh toàn bộ diện tích đất thổ cư thửa 245 và toàn bộ 4 thửa đất nông nghiệp, bản án sơ thẩm chỉ chia cho anh một phần diện tích đất thổ cư và xác định của cụ Tý chỉ có thửa đất nông nghiệp số 14a là không đúng.

*Viện Kiểm sát nhân dân huyện L có kháng nghị số 554/QĐKNPT- VKS-DS ngày 03/10/2017 đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì lý do:*

- Bản án sơ thẩm xác định thời hiệu thừa kế của cụ Mùi đã hết là không đúng theo quy định tại Điều 623, 688 BLDS 2015. Từ đó dẫn đến việc bản án sơ thẩm tạm giao cho ông Q phần của cụ Mùi mà không chia thừa kế của cụ Mùi cho cụ Tý là không đúng.

- Bản án không tuyên quyết định chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu độc lập của người có QLNVLQ là vi phạm điểm b khoản 2 Điều 266 Bộ luật TTDS.

- Bản án sơ thẩm không triệu tập người làm chứng, không đưa người làm chứng di chúc là ông Tiến, ông Nghĩa, ông Yên và UBND xã T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu người tham gia tố tụng.

- Về án phí DSST: Quyết định bản án sơ thẩm không tuyên khấu trừ phần tạm ứng án phí mà ông Q, anh Đ, chị V đã nộp làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự.

**Tại phiên tòa hôm nay:**

Anh Đỗ Ánh S là đại diện theo ủy quyền của ông Q, bà T, bà Ty, anh Nghĩa giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của ông Q và yêu cầu kháng cáo của ông Q, bà Ty, anh Nghĩa;

Luật sư Diệu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Q phát biểu bản luận cứ với nội dung: Di chúc của cụ Tý lập năm 2005 là không hợp lệ cả về hình thức và nội dung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, hủy di chúc của cụ Tý lập năm 2005 và không chấp nhận yêu cầu phản tố chia thừa kế theo di chúc của anh Đ, không chấp nhận yêu cầu độc lập của chị V.

Anh Đ và anh Đức đại diện theo ủy quyền của anh Đ có ý kiến: Diện tích đất thổ cư là tài sản chung của cụ Tý và cụ Mùi nhưng bản án sơ thẩm chỉ chia tài sản chung vợ chồng mà không chia di sản của cụ Mùi cho cụ Tý làm ảnh hưởng đến quyền hưởng thừa kế theo di chúc của anh Đ; bản án sơ thẩm chia toàn bộ mặt tiền thửa đất cho ông Q, chia cho anh Đ toàn bộ vào phía sau trong khi kỷ phần của anh Đ lớn hơn phần của ông Q nhận của cụ Mùi là không công bằng; bản án sơ thẩm không khấu trừ tiền tạm ứng án phí của anh làm thiệt hại cho anh. Anh Đ và anh Đức đều đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện VKSNDTP Hà Nội tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giữ nguyên kháng nghị số 554/QĐKNPT- VKS- DS ngày 03/10/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện L, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án huyện L xét xử lại từ giai đoạn sơ thẩm theo thủ tục chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

***Sau khi kiểm tra các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự tranh luận và ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1]. Về nguồn gốc thửa đất số 245, tờ bản đồ số 25 thôn L, xã T, huyện L: Tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự đều thừa nhận là của các cụ nhà cụ Mùi để lại cho cụ Mùi, cụ Tý. Do đó, bản án sơ thẩm xác định thửa đất thổ cư số 245a, tờ bản đồ số 25 thôn L, xã T, huyện L là tài sản chung của cụ Mùi cụ Tý là có căn cứ.

[2]. Năm 1996, cụ Tý được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 245a và 04 thửa đất nông nghiệp là các thửa số 14a, 327, 327, 305 tại thôn L, xã T, huyện L, Hà Nội. Tháng 3/2005, cụ Tý đã lập di chúc cho cháu nội là anh Đào Lương Đồng (còn gọi là Đồng) là con trai ông Q toàn bộ diện tích đất thửa 245a và toàn bộ diện tích 1888 m<sup>2</sup> của 04 thửa đất nông nghiệp nói trên sau đó năm 2008 cụ lại thay đổi một phần ý nguyện của cụ tại bản di chúc này là cho chị V toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thửa 14a và một phần diện tích đất thửa 245a có chiều rộng 3 mét, diện tích khoảng 90 m<sup>2</sup> để chị V làm lối đi. Nguyên đơn ông Q khởi kiện đề nghị hủy di chúc này của cụ Tý và không đồng ý cho chị V 3 mét lối đi và thửa đất nông nghiệp số 14a vì cho rằng di chúc không hợp lệ về hình thức và cụ Tý không có quyền định đoạt các diện tích đất này khi chưa được sự đồng ý của ông và các chị em ông; Bị đơn anh Đ không đồng ý yêu cầu hủy di chúc của ông Q vì cho rằng cụ Tý đã được cấp giấy chứng nhận các thửa đất này nên cụ có quyền lập di chúc lại cho anh; anh Đ có yêu cầu phản tố đề nghị chia thừa kế theo di chúc của cụ Tý lập năm 2005; chị V có yêu cầu độc lập đề nghị công nhận diện tích lối đi chiều rộng 3 m mà cụ Tý cho chị trên đất này là của chị.

Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án phải xác định di sản của cụ Tý đối với thửa đất thổ cư số 245a và các thửa đất nông nghiệp.

Nhận thấy, cụ Mùi chết năm 1986, cụ Tý chết năm 2008. Đối với diện tích đất thổ cư số 245 a là tài sản chung của cụ Tý và cụ Mùi nên di sản của cụ Tý đối với diện tích đất thổ cư này được xác định là phần của cụ Tý trong khối tài sản chung vợ chồng với cụ Mùi và phần thừa kế của cụ Tý đối với di sản thừa kế của cụ Mùi. Thời điểm ông Q khởi kiện năm 2012 và thời điểm anh Đ có yêu cầu phản tố, chị V có yêu cầu độc lập năm 2015 thì thời hiệu thừa kế được thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự 2005 là 10 năm. Tuy nhiên, thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 19/9/2017 khi Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật nên theo quy định về điều khoản chuyển tiếp tại Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 quy định thì phải áp dụng thời hiệu theo Điều 623 Bộ luật dân sự 2015 là 30 năm ( kể từ ngày Pháp lệnh thừa kế năm 1990 có hiệu lực pháp luật). Do đó, thời hiệu khởi kiện chia thừa kế của cụ Mùi theo quy định mới của pháp luật vẫn còn. Bản án sơ thẩm xác định thời hiệu chia thừa kế của cụ Mùi đã hết nên không chia thừa kế của cụ Mùi cho cụ Tý là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền hưởng thừa kế theo di chúc của anh Đ.

[3]. Ngoài ra, cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ tại cơ quan có thẩm quyền cấp đất nông nghiệp là UBND huyện L về thực tế mỗi khẩu trong hộ gia đình cụ Tý được chia 1 sào 6 thước hay 1 sào 9 thước đất nông nghiệp. Theo án sơ thẩm thì tiêu chuẩn đất nông nghiệp của cụ Tý được hưởng là **629,3 m<sup>2</sup>** nhưng không chỉ ra số diện tích này cụ Tý được hưởng căn cứ vào đâu? Vì nếu theo tiêu chuẩn 1 sào 9 thước là  $(360 + 24 \times 9 = 576 \text{ m}^2)$ ; 1 sào 6 thước là  $(360 + 24 \times 6 = 504 \text{ m}^2)$ .

[4]. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn có thiếu sót chưa khấu trừ tiền tạm ứng án phí của ông Q, anh Đ, chị V như trong kháng nghị của VKS L nêu.

[5]. Do thiếu sót của bản án sơ thẩm về vấn đề không chia thừa kế của cụ Mùi cho cụ Tý theo quy định mới của pháp luật mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể giải quyết được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Đ, chấp nhận kháng nghị của VKSND huyện L, chấp nhận đề xuất của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa hôm nay: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện L xét xử lại từ giai đoạn sơ thẩm theo thủ tục chung.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

**Bởi các lý trên**

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật TTDS

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS- ST ngày 19/9/2017 về việc “ Tranh chấp chia thừa kế” của Tòa án nhân dân huyện L, TP. Hà Nội.

2. Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện L giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm theo thủ tục chung.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Đào Văn Q; anh Đào Văn N, bà Đào Thị T mỗi người được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại các BL số 0004675; 0004676; 0004677 cùng ngày 16/10/2017 của cơ quan Thi hành án Dân sự huyện L ( do anh Nguyễn Văn Đạt nộp thay).

- Anh Đào Lương Đ( tức Đ) được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo BL số 0004658 ngày 02/10/2017 của cơ quan Thi hành án dân sự huyện L, Hà Nội.

**Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật để thi hành kể từ ngày tuyên án.**

**Nơi gửi:**

- Các đương sự;
- VKSND TP. Hà Nội;
- Tòa án nhân dân huyện L;
- Chi cục THA dân sự huyện L;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thúy**